

NGHIÊN CỨU DÂN TỘC HỌC PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG TÂY NGUYÊN TỪ SAU 1975 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU THỜI GIAN TỚI

BÙI MINH ĐẠO*

1. Đặt vấn đề

Tây Nguyên nằm ở phía Tây nam Việt Nam, là một trong 8 vùng lãnh thổ của Tổ quốc, diện tích tự nhiên trên 5,5 triệu km², chiếm 1/6 diện tích cả nước, toạ độ địa lý 11-15 độ vĩ bắc, 107-109 độ kinh đông, bao gồm 5 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng, phía bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía nam giáp các tỉnh Đông Nam Bộ, phía tây giáp hai nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, Cộng hoà Nhân dân Campuchia và phía đông giáp các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, dân số xấp xỉ 5 triệu người (2008), bao gồm 47 dân tộc, lấy trình độ phát triển kinh tế-xã hội làm căn cứ, có thể chia thành 3 nhóm chính: Dân tộc Kinh (3,3 triệu người), 13 dân tộc thiểu số tại chỗ (1,3 triệu người) và 33 dân tộc thiểu số di cư từ nơi khác đến, chủ yếu từ miền núi phía bắc vào (trên 300.000 người).

Trong quá khứ, đặc biệt từ sau giải phóng, vùng lãnh thổ Tây Nguyên được coi là địa bàn chiến lược về kinh tế, môi trường sinh thái và an ninh quốc phòng của cả nước và của ba nước Đông Dương. Về kinh tế, Tây Nguyên có tiềm năng lớn về phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp. Về môi trường sinh thái, với hệ động thực vật hết sức phong phú, lại có vị trí địa lý đặc biệt, Tây Nguyên đóng vai trò là lá phổi của toàn bộ khu vực miền Trung, miền Nam nói riêng và ba nước Đông Dương nói chung. Về an ninh quốc phòng, Tây Nguyên là cao điểm chung của ba nước Đông Dương. Từ Tây Nguyên sang Lào, xuống Campuchia hay đi Thái Lan đều rất thuận tiện và nhanh chóng. Người Pháp đã từng nói *Ai chiếm được Tây Nguyên sẽ kiểm soát được Đông Dương*. Toàn bộ hành lang phía tây giáp Lào và Campuchia của Tây Nguyên là căn cứ địa cách mạng quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, nơi đường mòn Hồ Chí Minh chạy qua. Thắng lợi của chiến dịch mùa xuân năm 1975 kết thúc cuộc

* TS. Viện Phát triển bền vững vùng Tây Nguyên.

kháng chiến chống Mỹ nổi tiếng nhất trong lịch sử Việt Nam cũng khởi nguồn từ những chiến thắng tại Tây Nguyên.

Do vai trò và vị trí đặc biệt và nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển, từ sau 1975 đến nay, Tây Nguyên đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của rất nhiều ngành khoa học khác nhau, bao gồm khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Những kết quả nghiên cứu đã có là hết sức phong phú, đa dạng, góp phần đắc lực giúp Đảng và Nhà nước đề ra những quyết sách phát triển kinh tế-xã hội cho vùng lãnh thổ giàu tiềm năng này.

Trong những nghiên cứu khoa học đã có về Tây Nguyên, nghiên cứu con người Tây Nguyên có vị trí quan trọng. Đặc trưng về con người Tây Nguyên so với các vùng khác là tính đa dân tộc, với sự hiện diện của 47 dân tộc, gồm hai nhóm dân tộc tại chỗ và mới đến, có đặc điểm văn hoá và trình độ phát triển kinh tế-xã hội khác nhau. Đặc biệt đáng chú ý trong đó là nhóm 13 dân tộc thiểu số tại chỗ, vốn giàu truyền thống cách mạng trong hai cuộc kháng chiến, có bản sắc văn hoá phong phú, độc đáo, có số phận lịch sử riêng và có trình độ phát triển kinh tế-xã hội tự thân đang trong giai đoạn tiền giai cấp, trong bước đường hội nhập và hoà nhập, đang gặp nhiều khó khăn và thách thức để có thể hoà nhập cùng cả nước đi vào CNH, HĐH. Việc nghiên cứu dân tộc học về các dân tộc Tây Nguyên, nhất là về các dân tộc thiểu số tại chỗ đặc biệt có ý nghĩa quan trọng, không chỉ nhằm phục vụ công cuộc phát triển kinh tế-xã hội, mà còn thiết thực góp phần thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng, là chính sách có ý nghĩa chiến lược và xuyên suốt của Đảng và cách mạng ở một quốc gia đa dân tộc như Việt Nam.

2. Tình hình và kết quả nghiên cứu dân tộc học phục vụ phát triển kinh tế-xã hội Tây Nguyên từ sau 1975 đến nay

Cùng với tiến trình phát triển và đi lên của đất nước, nghiên cứu dân tộc học Tây Nguyên từ sau 1975 đến nay có thể chia thành 2 giai đoạn: Giai đoạn trước đổi mới (1976-1986) và giai đoạn đổi mới (1986-2008).

2.1. Giai đoạn trước đổi mới (1976 đến nay)

Bối cảnh của Tây Nguyên giai đoạn này là miền Nam mới được giải phóng, đất nước thống nhất, chuyển từ thời chiến sang thời bình với những khó khăn thách thức mới. Sinh sống ở Tây Nguyên chủ yếu vẫn là 13 dân tộc thiểu số tại chỗ với dân số 60 vạn người và dân tộc Kinh với dân số gần 50 vạn người. Cuộc sống người dân còn đầy khó khăn, nghèo đói. Tàn dư của tổ chức phản động Fulro tìm cách củng cố lực lượng chống phá cách mạng. Nhiệm vụ chung của dân tộc học Việt Nam trong hơn một thập niên sau ngày thống nhất là triển khai các cuộc điều tra, nghiên cứu để làm sáng tỏ một số vấn đề cơ bản liên quan đến các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên, một mặt, góp phần phục vụ chính sách dân tộc của Đảng; mặt khác, thiết thực phục vụ công cuộc phát triển kinh tế-xã hội của các dân tộc và của vùng lãnh thổ. Theo hướng đó, nhiệm vụ

đầu tiên của ngành dân tộc học là xác định xem ở Tây Nguyên có bao nhiêu dân tộc. Cho đến thời điểm năm 1976, vấn đề thành phần dân tộc Tây Nguyên chưa được đặt ra, cũng như số lượng các dân tộc ở đây là chưa rõ ràng. Có rất nhiều ý kiến khác nhau của các nhà dân tộc học cũng như của chính thể nguy quyền Sài Gòn cũ, trong đó, xu hướng chung là coi các nhóm địa phương như là những tộc người riêng biệt, dẫn đến số lượng dân tộc Tây Nguyên lên đến vài chục dân tộc. Trên cơ sở căn cứ vào ba tiêu chí xác định dân tộc là ngôn ngữ, văn hoá và ý thức tự giác dân tộc, từ năm 1976 đến những năm đầu 1980, các cán bộ dân tộc học đã triển khai hàng loạt các cuộc điều tra, khảo sát ở hầu khắp các dân tộc, đã tổ chức nhiều cuộc toạ đàm, hội thảo xin ý kiến các nhà quản lý địa phương ba tỉnh Gia Lai-Kon Tum, Đắc Lắc, Lâm Đồng và sau cùng đã xác định ở Tây Nguyên có 12 dân tộc, mỗi dân tộc có thể bao gồm một số nhóm địa phương, là các dân tộc Brâu, Rơ Măm, Giẻ -Triêng, Xơ Đăng, Ba Na, Mạ, Cơ Ho, Mnông, Ê Đê, Gia Rai, Chu Ru và Raglai. Kết quả xác định thành phần dân tộc này đã được phản ánh trong bản *Danh mục thành phần dân tộc ở Việt Nam*, bao gồm 54 dân tộc, được Nhà nước uỷ nhiệm cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê chính thức công bố vào ngày 2 tháng 3 năm 1979. Tuy có thể còn những bất ổn, sai sót, nhưng kết quả xác định thành phần các dân tộc Tây Nguyên đã góp phần thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, góp phần phục vụ ba cuộc Tổng điều tra dân số toàn quốc vào các năm 1979, 1989 và 1999. Trên cơ sở những tài liệu và tư liệu thu thập cho xác định thành phần dân tộc, có tiến hành các điều tra, khảo sát bổ sung, ba cuốn sách giản chí dân tộc học về các dân tộc ở ba tỉnh Tây Nguyên lần lượt được biên soạn và xuất bản, gồm: *Các dân tộc tỉnh Gia Lai – Kon Tum*¹, *Đại cương về các dân tộc Ê đê, Mnông ở Đắc Lắc*² và *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng*³. Cùng với đó là việc biên soạn và xuất bản công trình sách *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía nam)*⁴, mà phần quan trọng là giới thiệu về các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên. Đóng góp của bốn công trình trên là lần đầu tiên giới thiệu một cách toàn diện và hệ thống, theo quan điểm dân tộc học mác xít các truyền thống lịch sử, kinh tế, xã hội, văn hoá, đặc biệt truyền thống văn hoá của 12 dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên cùng những vấn đề đặt ra cho xây dựng cuộc sống mới của các dân tộc ở từng tỉnh trong ba tỉnh của mảnh đất Tây Nguyên. Với sách *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía nam)*, cùng với sách *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía bắc)*, lần đầu tiên

¹ Đặng Nghiê n Vạ n (và các cộng sự) (1981), *Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Kon Tum*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

² Bế Viế t Đắ ng (và các cộng sự) (1982). *Đại cương về các dân tộc Ê đê, Mnông ở Đắ k Lắ k*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

³ Mạc Đườ ng (chủ biên) (1983), *Vấ n đề dân tộc ở Lâm Đồ ng*. Sở Văn hoá tỉnh Lâm Đồ ng.

⁴ Việ n Dân tộc học (1984), *Các dân tộc ít người ở Việ t Nam (các tỉnh phía nam)*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

ở Việt Nam có một bộ “Bách khoa thư” tương đối đầy đủ và toàn diện về tất cả các dân tộc thiểu số, qua đó, người đọc có thể tìm thấy những chỉ dẫn cơ bản và cần thiết về từng dân tộc cũng như từng vùng dân tộc trong cả nước, cũng là cơ sở cho các nghiên cứu của các ngành kế cận như văn hoá, tôn giáo, lịch sử, nông nghiệp, kinh tế,... Từ sau 1975 đến 1980, Tây Nguyên được Đảng và Nhà nước chú trọng khai thác, phát triển kinh tế với hai chủ trương lớn là phát triển các nông lâm trường quốc doanh và di dân kinh tế mới. Kết quả về kinh tế đã đạt được những thành tựu to lớn, nhưng cũng làm nảy sinh những bất cập về kinh tế, xã hội văn hoá, cũng như về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên. Đó là lý do Viện Khoa học xã hội Việt Nam triển khai chương trình điều tra cơ bản kinh tế-xã hội mang tên Chương trình Tây Nguyên II, thu hút các ngành khoa học khác nhau, Viện Dân tộc học làm cơ quan chủ trì đầu mối. Hai cuộc tọa đàm khoa học đã được tổ chức ở Gia Lai - Kon Tum và Lâm Đồng, thu hút sự tham gia của nhiều nhà khoa học và quản lý với hàng chục báo cáo tham luận. Các báo cáo đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn rộng lớn, liên quan đến phát triển kinh tế xã hội Tây Nguyên nói chung và phát triển kinh tế xã hội các dân tộc thiểu số tại chỗ nói riêng. Liên quan đến các dân tộc thiểu số, các tham luận đặc biệt nhấn mạnh các đặc thù xã hội và văn hoá truyền thống như là những trở lực và thách thức không thể không nhận diện và lý giải cho quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Những mâu thuẫn, bức xúc nảy sinh về kinh tế, xã hội, văn hoá đang diễn ra do tác động của nông, lâm trường, của di dân kinh tế mới, ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống và sự phát triển của các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên được các nhà nghiên cứu đặc biệt chú ý tới. Từ đó, đề xuất các luận cứ khoa học phục vụ cho việc hoạch định và cụ thể hoá các chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến địa bàn dân tộc và miền núi, phù hợp với đặc điểm từng vùng và từng dân tộc. Nhiều đề xuất khoa học đã được ứng dụng và được thực tiễn chứng minh là đúng đắn. Chẳng hạn, đề xuất cho rằng công cuộc xây dựng và phát triển vùng dân tộc và miền núi cần đi theo những quy luật và bước đi riêng, phù hợp với đặc điểm kinh tế xã hội của từng vùng, từng dân tộc, tránh máy móc, dập khuôn, mô hình hoá và đốt cháy giai đoạn. Có đề xuất cho rằng, việc quy hoạch các nông - lâm trường, việc đưa dân từ đồng bằng lên xây dựng kinh tế mới ở vùng dân tộc và miền núi cần được tiến hành và tính toán thận trọng, chắc chắn, trên cơ sở điều tra, nghiên cứu các điều kiện tự nhiên và con người tại chỗ để tìm ra mô hình phù hợp và bền vững; hay đề xuất cho rằng, ở vùng dân tộc và miền núi, do tồn tại nhiều trình độ phát triển kinh tế, xã hội khác nhau, việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng cần được vận dụng mềm dẻo, linh hoạt, phù hợp với điều kiện từng vùng, từng dân tộc, tránh áp dụng một chính sách cho nhiều vùng, nhiều dân tộc có đặc điểm kinh tế, xã hội và dân trí khác nhau,... Tuy vậy, cũng cần nhận thức rằng, trong các nghiên cứu kinh tế - xã hội phục vụ phát triển, mặc dù đã rất cố gắng gắn nghiên cứu cơ bản với

nghiên cứu thực tiễn, nhưng phần còn do thiếu kinh nghiệm, phần còn do thoát ly thể mạnh của ngành, nên đôi lúc, các nhà dân tộc học không tránh khỏi có những lúng túng, thậm chí đi làm thay chức năng, nhiệm vụ của ngành khác, dẫn đến kết quả đạt được còn hạn chế. Một khi chưa nắm vững và nắm đầy đủ các tri thức tộc người về các lĩnh vực liên quan thì sẽ là áp đặt và chủ quan khi đưa ra những mô hình, những định hướng, giải pháp về phát triển kinh tế-xã hội cho người dân. Kết quả nghiên cứu của chương trình được công bố trong ba công trình sách mang tên *Một số vấn đề phát triển kinh tế-xã hội Tây Nguyên*⁵, xuất bản năm 1986 và *Tây Nguyên trên đường phát triển*, xuất bản năm 1989⁶ và *Vấn đề phát triển kinh tế-xã hội các dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lak*, xuất bản năm 1990⁷.

Giai đoạn đổi mới (từ 1986 đến nay)

Từ sau năm 1986, đất nước chuyển sang thời kỳ đổi mới mà đường lối trọng tâm then chốt là chuyển đổi từ kinh tế bao cấp sang kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh đó, hoạt động nghiên cứu dân tộc học được triển khai gắn liền với Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và Quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng về Dân tộc và miền núi, và sau này đến năm 1998 với Nghị quyết 5 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Văn hoá. Theo đó, định hướng nghiên cứu khoa học chủ đạo của dân tộc học ở cả nước nói chung và ở vùng Tây Nguyên trong giai đoạn này là, một mặt, tiếp tục triển khai nghiên cứu cơ bản về dân tộc, đặc biệt về văn hoá tộc người để thiết thực góp phần vào việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc thiểu số tại chỗ; mặt khác, bằng việc sử dụng các phương pháp đa ngành, liên ngành, đặc biệt, bằng các phương pháp phát triển cộng đồng, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng, kết hợp nghiên cứu những vấn đề chung với những vấn đề cụ thể, với những vấn đề đặc thù của vùng, của dân tộc, nghiên cứu các đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hoá của các tộc người gắn với sự biến đổi về dân số, di cư và môi trường sống để góp phần trực tiếp vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển bền vững vùng miền núi và dân tộc Tây Nguyên. Bám sát tình hình đất nước và phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội trong thời kỳ mới, ngành dân tộc học triển khai nghiên cứu Tây Nguyên theo hai hướng. Một mặt, tiếp tục các nghiên cứu cơ bản về các dân tộc; mặt khác, thực hiện các nghiên cứu ứng dụng và phát triển theo yêu cầu của Đảng, Nhà nước và của thực tiễn.

⁵ Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1986), *Một số vấn đề phát triển kinh tế-xã hội Tây Nguyên*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

⁶ Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1989), *Tây Nguyên trên đường phát triển*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

⁷ Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1990), *Vấn đề phát triển kinh tế-xã hội các dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lak*. Nxb. Khoa học xã hội.

Về nghiên cứu dân tộc học cơ bản, trên nền tảng các nghiên cứu chung đã có về mỗi dân tộc, mỗi tỉnh, trước hết, nghiên cứu hệ thống và toàn diện mang tính chuyên sâu về từng lĩnh vực của lịch sử và của đời sống kinh tế, xã hội, văn hoá các dân tộc Tây Nguyên, phục vụ xây dựng chính sách dân tộc được triển khai bởi ngành dân tộc học. Kết quả được phản ánh qua một số chuyên khảo đã được công bố, trong đó tiêu biểu có thể kể ra là: *Tây Nguyên sử lược* của tác giả Hoàng Văn Bé xuất bản năm 1993⁸, *Nhà mồ và tượng nhà mồ Gia rai, Bohnar* của tác giả Ngô Văn Doanh, xuất bản năm 1993⁹, *Buôn làng cổ truyền xứ Thượng* của tác giả Lưu Hùng, xuất bản năm 1993¹⁰, *Gia đình và hôn nhân truyền thống ở các dân tộc Malayo-Polinexia Trường Sơn –Tây Nguyên* của tác giả Vũ Đình Lợi, xuất bản năm 1994¹¹, *Trông trọt truyền thống của các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên* của tác giả Bùi Minh Đạo, xuất bản năm 2000¹², *Hoa văn cổ truyền Đak Lak* của tác giả Chu Thái Sơn, xuất bản năm 2000¹³, *Lịch sử phát triển các dân tộc Mã Lai-Đa Đảo* của tác giả Nguyễn Tuấn Triết, xuất bản năm 2000¹⁴, đặc biệt trong đó cần phải kể đến công trình *Kho tàng sử thi Tây Nguyên* gần 80 tập do Viện nghiên cứu Văn hoá, Viện Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức sưu tầm, biên soạn và xuất bản trong những năm gần đây¹⁵, ... Cùng với các chuyên khảo về từng lĩnh vực, việc điều tra, khảo sát và biên soạn sách chuyên khảo về từng dân tộc nhằm nhận biết đầy đủ và hệ thống về đặc điểm kinh tế xã hội văn hoá và những vấn đề đặt ra cho phát triển kinh tế-xã hội của mỗi dân tộc được quan tâm thúc đẩy. Đến nay (2009), đã có 4 sách chuyên khảo về 4 dân tộc trong tổng số 12 dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên được xuất bản, bao gồm: *Người Xơ đăng ở Việt Nam* của Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, xuất bản năm 1998¹⁶, *Người Raglai ở Việt Nam* của tác giả Nguyễn Tuấn Triết, xuất bản năm 1991¹⁷, *Dân tộc Cơ Ho ở Việt Nam* của tác giả Bùi Minh Đạo, xuất bản năm 2003¹⁸, *Dân tộc Ba Na ở Việt Nam* của tác giả Bùi Minh Đạo, xuất bản năm

⁸ Phan Văn Bé (1993), *Tây Nguyên sử lược*. Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

⁹ Ngô Văn Doanh (1993), *Nhà mồ và tượng nhà mồ Gia rai, Bohnar*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

¹⁰ Lưu Hùng (1993), *Buôn làng cổ truyền xứ Thượng*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

¹¹ Vũ Đình Lợi (1994) *Gia đình và hôn nhân truyền thống ở các dân tộc Malayo-Polinexia Trường Sơn –Tây Nguyên*. Nxb KHXH, H.

¹² Bùi Minh Đạo (2000), *Trông trọt truyền thống của các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

¹³ Chu Thái Sơn (2000), *Hoa văn cổ truyền Đak Lak*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

¹⁴ Nguyễn Tuấn Triết (2000), *Lịch sử phát triển các dân tộc Mã Lai-Đa Đảo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

¹⁵ Viện nghiên cứu Văn hoá (2008), *Kho tàng sử thi Tây Nguyên* (76 tập). Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

¹⁶ Trung tâm khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia (1998). *Người Xơ đăng ở Việt Nam* ôiNb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

¹⁷ Nguyễn Tuấn Triết (1991), *Người Raglai ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

¹⁸ Bùi Minh Đạo (2003), *Dân tộc Cơ Ho ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

2006¹⁹. Cùng với các nghiên cứu cơ bản trong giai đoạn trước, những kết quả nghiên cứu cơ bản trong giai đoạn đổi mới đã giới thiệu kỹ hơn, đầy đủ hơn và cụ thể hơn về bức tranh văn hoá vừa thống nhất vừa đa dạng của các dân tộc Tây Nguyên, từ đó, góp phần vào việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá của các dân tộc theo tinh thần Nghị quyết 5 của Trung ương Đảng; đồng thời, tiếp tục làm rõ các đặc điểm kinh tế xã hội truyền thống của các dân tộc, nhất là các đặc điểm về trồng trọt, chăn nuôi, nghề thủ công, gia đình, dân số, môi trường, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng,... làm cơ sở cho việc hoạch định các chính sách đối với vùng dân tộc và miền núi Tây Nguyên nói riêng, cả nước nói chung của Đảng và Nhà nước trong điều kiện mới.

Về nghiên cứu dân tộc học ứng dụng và phát triển. Trong bối cảnh đất nước bước vào đổi mới, cũng như trong điều kiện hội nhập, hoà nhập khu vực và quốc tế đang diễn ra nhanh chóng và mạnh mẽ những năm qua, rất nhiều vấn đề đặt ra liên quan đến các dân tộc Tây Nguyên cần được nghiên cứu và lý giải góp phần thực hiện chính sách dân tộc và phát triển kinh tế-xã hội vùng Tây Nguyên. Ngoài những tác động chung của quốc gia và của vùng, tình hình các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên còn chịu tác động của các yếu tố nội tại bên trong và bên ngoài. Yếu tố nội tại là tác động của quá trình di dân vừa đông vừa ồ ạt, bao gồm di dân kinh tế mới và di dân tự do, tác động về đất, rừng của các nông, lâm trường mà hệ quả là mâu thuẫn về quản lý và sử dụng đất đai giữa nông – lâm trường nhà nước và các dân tộc thiểu số tại chỗ, tác động của kinh tế thị trường mà hệ quả là phân hoá hai đầu về thu nhập và kinh tế, giữa một bên là các dân tộc mới đến và một bên là các dân tộc thiểu số tại chỗ, biểu hiện là trong khi các dân tộc mới đến, do có trình độ kinh tế - xã hội cao, đã từng bước ổn định và phát triển nhanh, thì các dân tộc tại chỗ, do có trình độ kinh tế - xã hội thấp kém, vẫn có cuộc sống chưa ổn định và chậm phát triển. Yếu tố bên ngoài là âm mưu của các thế lực thù địch, lợi dụng thiếu sót của ta về chính sách và thực hiện chính sách dân tộc để một mặt, tuyên truyền kích động kích động chia rẽ đoàn kết dân tộc và gây mất ổn định chính trị và an ninh quốc phòng; mặt khác, lợi dụng chính sách tự do dân tộc và tự do tôn giáo để đòi đất đai và đòi Tây Nguyên tự trị. Những yếu tố chủ quan và khách quan đó là nguyên nhân dẫn đến tồn tại nhiều mâu thuẫn và bất cập trong các dân tộc tại chỗ, bức xúc và nổi cộm trong đó là các mâu thuẫn về đất đai, nghèo đói, tôn giáo, giáo dục, y tế và quan hệ dân tộc. Có thể nói, trong các vùng dân tộc và miền núi Việt Nam, không ở đâu vấn đề dân tộc và tôn giáo lại nảy sinh, phát triển ngày càng nóng bỏng như ở Tây Nguyên hơn một thập niên qua. Đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và thực hiện nhiệm vụ Đảng và Nhà nước giao phó, từ giữa thập niên 90 của thế kỷ 20 đến nay, rất nhiều nghiên cứu ứng dụng và phát triển về các dân tộc đã được triển khai nhằm góp phần lý giải và khắc

¹⁹ Bùi Minh Đạo (2006), *Dân tộc Ba Na ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

phục những mâu thuẫn kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng vùng dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên. Có thể kể ra một số nghiên cứu tiêu biểu như: Đề tài *Sở hữu và sử dụng đất đai ở các tỉnh Tây Nguyên* (1997-1998), kết quả đã được in thành sách với tiêu đề cùng tên, xuất bản năm 2000²⁰, Dự án *Điều tra phong tục tập quán của các dân tộc bản địa và tác động của chúng đối với sự phát triển bền vững ở Tây Nguyên* (2002-2003), đề tài *Di dân tự phát của các dân tộc thiểu số từ miền núi phía Bắc vào Tây Nguyên* (1999-2000), chương trình *Một số vấn đề phát triển kinh tế-xã hội buôn làng các dân tộc Tây Nguyên*, kết quả đã được công bố thành sách với tiêu đề cùng tên, xuất bản năm 2002²¹, đề tài *Thực trạng đói nghèo và giải pháp xóa đói giảm nghèo đối với các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên* (2003-2004), kết quả đã được công bố thành sách với tiêu đề cùng tên, xuất bản năm 2005²². Đặc biệt, đề cung cấp cơ sở khoa học giúp Đảng và Nhà nước tiếp tục đề ra những chủ trương, chính sách khắc phục những mâu thuẫn và bất cập liên quan đến sử dụng đất đai đang diễn ra, cũng như nhằm góp phần vào việc đưa Nghị quyết Trung ương 7, khoá IX và Luật Đất đai 2003 đi vào thực tiễn ở Tây Nguyên, theo đề nghị của Ban Kinh tế Trung ương, dưới sự chủ trì của Viện Khoa học xã hội Việt Nam, ngành Dân tộc học đã triển khai thực hiện nghiên cứu đề tài trọng điểm cấp bộ *Thực trạng sử dụng đất đai của các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên và những giải pháp, kiến nghị* (2004),... Với việc triển khai các nghiên cứu trên, nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn của quá trình phát triển kinh tế-xã hội và những giải pháp kiến nghị đối với vùng dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên đã được làm sáng tỏ mà việc đưa ra và phân tích kết quả một số nghiên cứu dưới đây chỉ là những ví dụ minh họa. Đề tài *Di dân tự phát của các dân tộc thiểu số từ miền núi phía Bắc vào Tây Nguyên* đã phân tích và lý giải sâu sắc, đúng đắn, đầy đủ về các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến di dân, từ quá trình di dân, nguyên nhân di dân, đặc điểm di dân, thực trạng đời sống người dân, đến những tác động tích cực và tiêu cực của di dân trước đây cũng như hiện nay, không chỉ ở Tây Nguyên mà còn trong cả nước, trên cơ sở đó, đưa ra những khuyến nghị và đề xuất có giá trị khoa học và thực tiễn, làm cơ sở để Đảng, Nhà nước và các nhà quản lý có những chính sách và giải pháp nhằm giải quyết hữu hiệu vấn nạn di dân tự do ở Tây Nguyên hiện nay

Với việc thực hiện đề tài *Sở hữu và sử dụng đất đai ở các tỉnh Tây Nguyên*, các nhà dân tộc học đã đưa ra những phân tích và nhận định đúng đắn, sâu sắc, khoa học, toàn diện về tiến trình và thực trạng sử dụng đất đai ở vùng các dân

²⁰ Vũ Đình Lợi - Bùi Minh Đạo - Vũ Thị Hồng (2000) *Sở hữu và sử dụng đất đai ở các tỉnh Tây Nguyên*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

²¹ Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia (2002), *Một số vấn đề phát triển kinh tế-xã hội buôn làng các dân tộc Tây Nguyên*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

²² Bùi Minh Đạo (chủ biên) (2005), *Thực trạng đói nghèo và giải pháp xóa đói giảm nghèo đối với các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

tộc thiểu số Tây Nguyên trong các thời kỳ lịch sử, đặc biệt trong hai giai đoạn trước đổi mới và đổi mới, những tác động khác nhau của thực trạng đó đối với xã hội và con người, đối với mọi mặt đời sống kinh tế, chính trị, văn hoá, môi trường, an ninh quốc phòng, sự thiếu biện chứng trong việc bố trí cơ cấu dân cư và quy hoạch đất rừng, những cách thức quản lý, khai thác đất rừng và việc thực thi các chủ trương, chính sách về đất đai của Nhà nước. Trong đó, đặc biệt, khuyến cáo rằng, từng tồn tại quyền làm chủ đối với toàn bộ đất rừng của các dân tộc Tây Nguyên và do điều này không được chú ý, nên đã làm phát sinh những mâu thuẫn và bất cập xung quanh quá trình sử dụng và quản lý đất rừng giữa người dân tại chỗ với người dân mới đến, nếu không có những giải pháp kịp thời thì hậu quả xảy ra thật khôn lường. Lời cảnh báo dưới đây trong đề tài hoàn thành từ năm 1998 được thực tế những năm gần đây chứng minh là đúng và cho đến nay vẫn giữ nguyên giá trị thời sự: *"Sẽ là không quá sớm khi đưa ra lời cảnh báo rằng nếu không kịp thời có giải pháp khắc phục những khiếm khuyết của quá trình khai thác và sử dụng đất đai thì vấn đề dân tộc sẽ rất có thể phát sinh trong thực tế nay mai ở Tây Nguyên, chỉ ít là mất ổn định, nghiêm trọng là máu lại đổ, với sự can thiệp vừa kín đáo, vừa trắng trợn của kẻ thù dưới chiêu bài bảo vệ người dân tộc, bảo vệ quyền tự do tôn giáo. Một khi đã để vấn đề dân tộc và tôn giáo quện vào nhau thì nguy cơ dẫn tới thật khôn lường"*. Nghiên cứu cũng đề xuất những giải pháp hiện thực và thuyết phục nhằm vừa giải quyết những bức xúc và mất ổn định liên quan đến đất rừng trước mắt, vừa góp phần quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên đất rừng bền vững, lâu dài, không chỉ cho Tây Nguyên mà còn cho các vùng miền núi và dân tộc khác trong cả nước.

Dự án, *Điều tra phong tục tập quán của các dân tộc bản địa và tác động của chúng đối với sự phát triển bền vững ở Tây Nguyên* đã một mặt, nêu ra bức tranh đầy đủ và khách quan về phong tục tập quán của các dân tộc Tây Nguyên trong truyền thống, từ sản xuất và đời sống đến vệ sinh môi trường, sinh đẻ, tang ma,... mặt khác, làm rõ những tác động tiêu cực của các phong tục tập quán đó đến môi trường tự nhiên và xã hội trong điều kiện mới. Trên cơ sở đó, đề xuất và kiến nghị nhiều giải pháp cụ thể và khả thi nhằm góp phần phục vụ công cuộc phát triển bền vững vùng lãnh thổ Tây Nguyên.

Đề tài trọng điểm cấp bộ *Thực trạng sử dụng đất đai của các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên và những giải pháp, kiến nghị* đã làm sáng tỏ bức tranh quản lý và sử dụng đất đai ở Tây Nguyên, những mâu thuẫn bức xúc trong quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên đất rừng ở các dân tộc thiểu số tại chỗ, những nguyên nhân, hệ quả của những mâu thuẫn, bức xúc đó tại thời điểm khảo sát. Trên cơ sở đó đề ra những giải pháp, kiến nghị, góp phần tháo gỡ và hoá giải các mâu thuẫn, bức xúc đất đai đang diễn ra. Kết quả của đề tài được Ban Kinh tế Trung ương đánh giá cao và là cơ sở cho xây dựng chính sách đưa vào cuộc sống.

Có thể nói, triển khai các nghiên cứu ứng dụng và phát triển là hướng nghiên cứu đúng đắn và ngày càng được khẳng định là có ý nghĩa nhằm phục vụ thực tiễn, xây dựng và phát triển vùng miền núi và dân tộc Tây Nguyên trong điều kiện mới. Ý nghĩa, giá trị khoa học và thực tiễn của việc thực hiện các nghiên cứu nói trên là hết sức to lớn, thể hiện ở chỗ, một số đề xuất khoa học đã được thực tiễn cuộc sống chứng minh là đúng đắn; mặt khác, nếu những đề xuất đó được áp dụng vào thực tiễn, thì hiệu quả của công cuộc xây dựng và phát triển vùng dân tộc và miền núi sẽ cao hơn nhiều, cũng như nhiều bất cập và mâu thuẫn về kinh tế xã hội ở vùng dân tộc và miền núi sẽ không diễn ra gay gắt như đã và đang diễn ra.

3. Định hướng nghiên cứu thời gian tới

Một số bài học kinh nghiệm từ nghiên cứu dân tộc học vùng Tây Nguyên thời gian qua

Thứ nhất, luôn luôn trau dồi, học tập, trao đổi để nắm vững và cập nhật những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những quan điểm, chủ trương của Đảng về vấn đề dân tộc qua từng thời kỳ, làm kim chỉ nam cho hoạt động nghiên cứu.

Thứ hai, trong quá trình triển khai nghiên cứu, rất cần chú ý quán triệt quan điểm lịch sử cụ thể, trong đó, mấu chốt là vận dụng biện chứng các quan điểm của Đảng vào tình hình thực tiễn Việt Nam, đồng thời, mở rộng giao lưu, hội nhập theo hướng toàn cầu hoá, đa phương hoá để thường xuyên cập nhật những lý thuyết, phương pháp, kinh nghiệm và nội dung nghiên cứu của các nước trên thế giới và khu vực.

Thứ ba, nghiên cứu dân tộc học chỉ đạt tới chân lý khách quan cũng như bảo đảm ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao khi chúng là kết quả của quá trình kết hợp hài hoà giữa phân tích các tài liệu có sẵn với các tài liệu thu thập được tại thực địa để so sánh, đối chiếu thời gian và không gian, trong đó, phân tích các tài liệu tại thực địa có vai trò đặc biệt quan trọng. Điều này có nghĩa, nghiên cứu dân tộc học đòi hỏi các cuộc điền dã thường xuyên và liên tục như một điều kiện bắt buộc không thể thiếu. Chỉ có thông qua các cuộc đi công tác tại thực địa, trong đó, triển khai các phương pháp điền dã dân tộc học, theo dõi và bám sát thực tế từng tộc người, từng vùng dân tộc, người làm dân tộc học mới nắm được thực tiễn sinh động đời sống kinh tế, xã hội, văn hoá của người dân, từ đó, mới đưa ra được những phân tích và kết luận khách quan và thuyết phục về những vấn đề khoa học và thực tiễn.

Thứ tư, nghiên cứu dân tộc học là nhiệm vụ quan trọng và xuyên suốt của khoa học xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, để hoà nhập và trong khung cảnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bên cạnh nghiên cứu cơ bản về dân tộc và văn hoá dân tộc, dân tộc học ngày nay rất cần triển khai nhiệm vụ kết hợp nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu

ngày càng to lớn và cấp thiết của thực tiễn cuộc sống. Thực tiễn đã chứng minh mối quan hệ biện chứng của hai hướng nghiên cứu dân tộc học nói trên: Muốn phục vụ thực tiễn có hiệu quả, cần phải nghiên cứu sâu theo dân tộc, theo vấn đề, theo vùng, theo từng thành tố văn hoá và nhìn chúng trong động thái phát triển chung của quốc gia và quốc tế; ngược lại, nghiên cứu cơ bản chỉ có ý nghĩa khi gắn nó và so sánh nó với những biến đổi đã và đang diễn ra, từ đó, phát hiện và nắm bắt được những quy luật biến đổi và phát triển của kinh tế, xã hội và văn hoá của từng vùng, từng dân tộc.

Thứ năm, để phục vụ kịp thời và đắc lực cho thực tiễn công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước ở vùng dân tộc và miền núi Tây Nguyên, bên cạnh việc luôn luôn nắm bắt các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, đòi hỏi những người làm công tác nghiên cứu phải luôn năng động và sáng tạo trong chuyên môn, phải luôn kết hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp, các cơ quan quản lý từ trung ương đến địa phương trong việc tìm tòi, đề xuất, nghiên cứu những vấn đề mà cuộc sống đặt ra đòi hỏi nghiên cứu và giải quyết.

Phương hướng nghiên cứu dân tộc học Tây Nguyên thời gian tới.

Trong khung cảnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng to lớn của thực tiễn, định hướng nghiên cứu dân tộc học Tây Nguyên thời gian tới là: Đẩy mạnh và gắn chặt hơn nữa nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu phát triển, coi nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu phát triển là thế mạnh chuyên môn khoa học lâu dài. Bên cạnh đó, tiếp tục nghiên cứu cơ bản theo hướng nghiên cứu sâu và toàn diện về các dân tộc và văn hoá dân tộc, kết hợp nghiên cứu sâu theo vấn đề với nghiên cứu sâu theo dân tộc và theo vùng, lấy nghiên cứu cơ bản làm bàn đạp và cơ sở cho nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu phát triển. Phương pháp chủ đạo được áp dụng trong nghiên cứu sẽ bao gồm cả định lượng lẫn định tính, kết hợp nghiên cứu dân tộc học với nghiên cứu liên ngành, đa ngành. Bên cạnh đó, chú trọng sử dụng các phương pháp nghiên cứu phát triển, trọng tâm là sử dụng các công cụ của phương pháp đánh giá nông thôn có người dân tham gia, còn gọi là phương pháp tham dự (PRA). Trên cơ sở mở rộng và phát triển cả về nội dung lẫn phương pháp, từng bước chuyển từ nghiên cứu dân tộc học sang nghiên cứu nhân học (*Anthropology study*) để hội nhập và hoà nhập với khoa học các nước trong khu vực và trên thế giới, đồng thời, nghiên cứu toàn diện các vấn đề kinh tế, xã hội, văn hoá đã và đang diễn ra ở các dân tộc Tây Nguyên.

Từ định hướng cơ bản trên, các vấn đề nghiên cứu dân tộc học Tây Nguyên trong thời gian tới sẽ bao gồm: Về nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu cơ bản về các dân tộc Tây Nguyên, chú ý nghiên cứu văn hoá các dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; nghiên cứu các dân tộc ở hai bên biên giới Việt - Lào, Việt - Campuchia giáp Tây Nguyên, đặc biệt chú ý đến các dân tộc có mối quan hệ nhiều mặt với đồng tộc bên kia đường biên giới quốc

gia; nghiên cứu các mối quan hệ dân tộc trong nội bộ người Kinh, giữa người Kinh với các dân tộc thiểu số, giữa các dân tộc thiểu số với nhau; Về nghiên cứu ứng dụng và phát triển, ưu tiên nghiên cứu một số vấn đề bức xúc và nổi cộm trước mắt như đất đai, tôn giáo, đặc biệt tôn giáo Tin lành, giáo dục, y tế, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, xây dựng thể chế chính trị. Ngoài ra, từng bước tiếp cận nghiên cứu mối quan hệ giữa con người các dân tộc với môi trường, những vấn đề dân số, dân cư của các dân tộc, các quá trình biến đổi xã hội của các dân tộc, các tri thức địa phương, đặc biệt chú ý các tri thức về các lĩnh vực nông nghiệp, quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên như đất, rừng, nguồn nước,...y học cổ truyền của các dân tộc và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, động thái dân số, nhất là nghiên cứu sâu về di dân tự do của các dân tộc, mối liên hệ của nó với phát triển kinh tế, sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên và mối quan hệ dân tộc, phân tầng xã hội và phân hoá giàu nghèo do tác động của kinh tế thị trường và các yếu tố khác, thực trạng nghèo đói và những vấn đề xoá đói, giảm nghèo, vấn đề du lịch và tác động của nó đến các cộng đồng dân tộc thiểu số tại chỗ, đặc biệt là về phương diện văn hoá, xã hội, tác động của một số chính sách ban hành từ khi đổi mới đến nay (chính sách về kinh tế, Luật Đất đai, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bảo vệ môi trường,...) đến sự phát triển kinh tế-xã hội-văn hoá của các dân tộc; ...